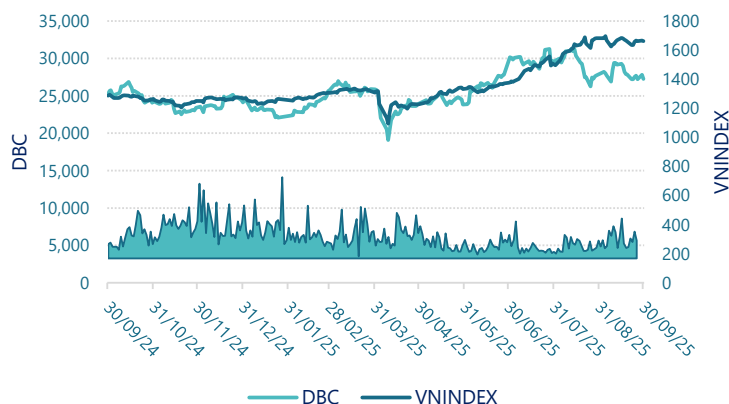


CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam (HSX: DBC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	27,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	31,261
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,087
SL cổ phiếu LH	384,866,667
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,517,150
% sở hữu nước ngoài	2.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	10,488
P/E	6.6
EPS	4,150

DT thuần

Q3/25

4,841

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,021 | 26.7%

YoY: ▲ 1,316 | 37.3%

LN sau thuế

Q3/25

343

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 164 | -32.4%

YoY: ▲ 31.0 | 9.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

8.8%

+/- YoY: ▼ 2.6%

DT thuần

9T 2025

12,271

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2,309 | 23.2%

LN sau thuế

9T 2025

1,358

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 828 | 156%

ROE

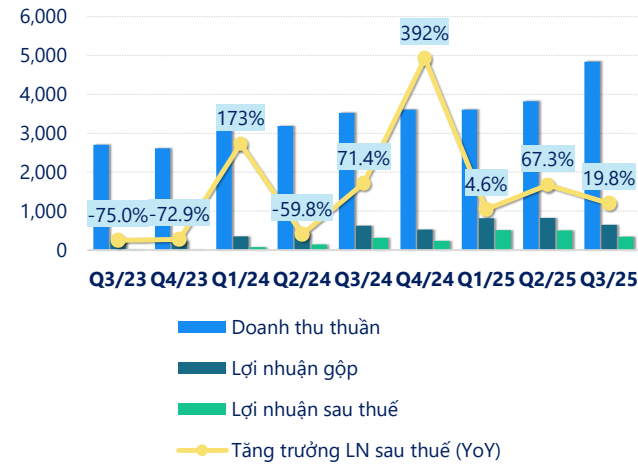
Q3/25

22.1%

+/- YoY: ▲ 12.5%

tỷ VNĐ

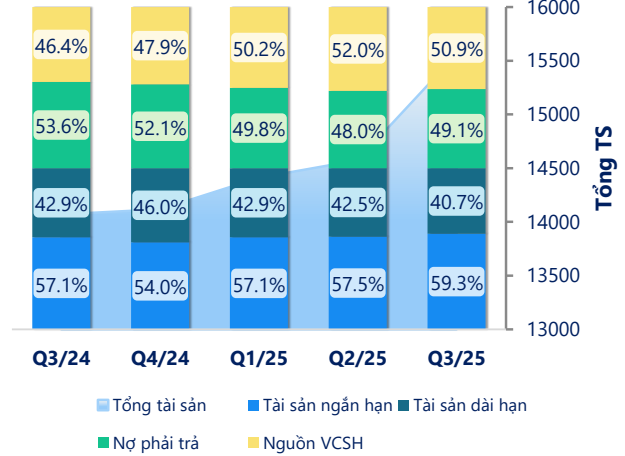
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

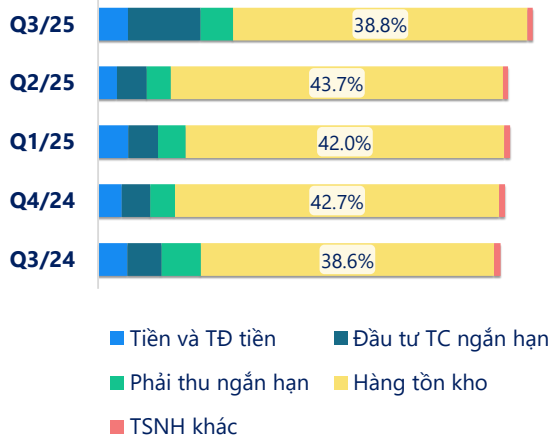
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



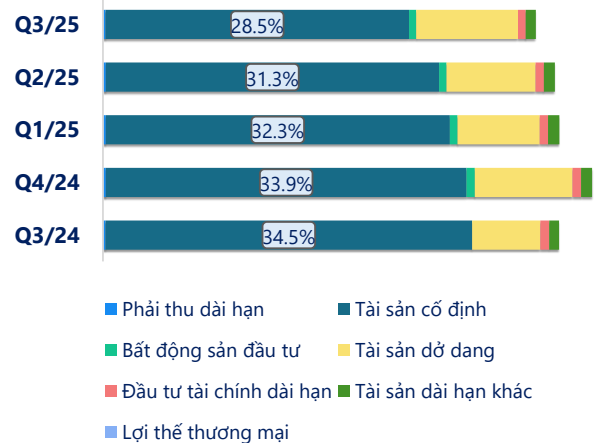
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

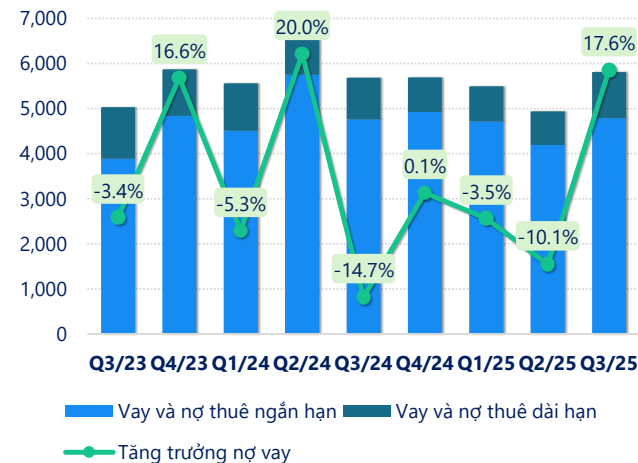
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

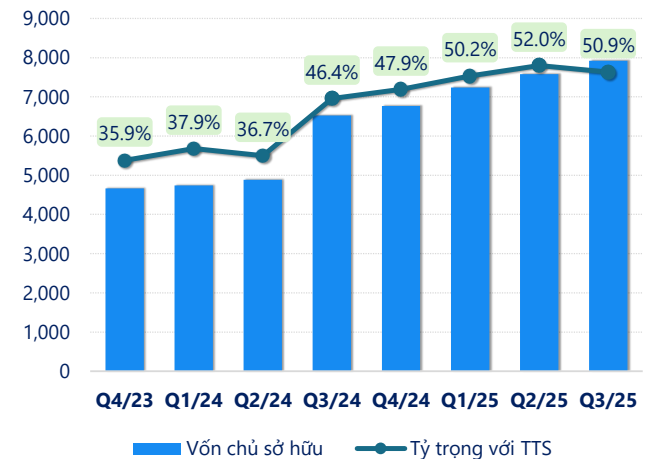
Nợ vay



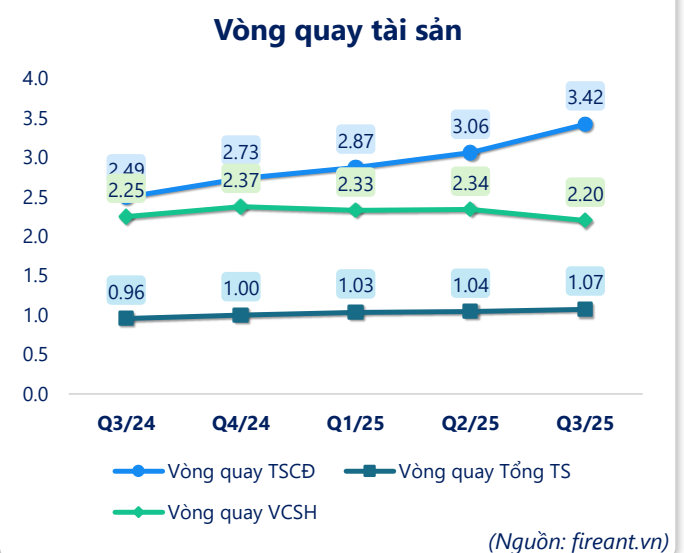
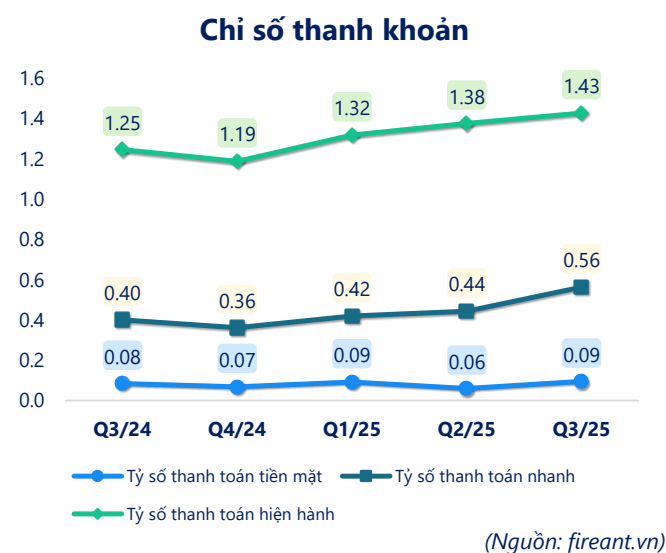
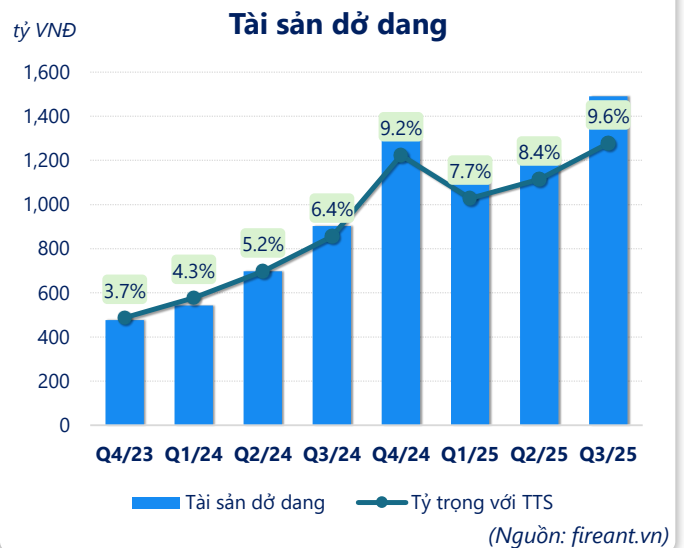
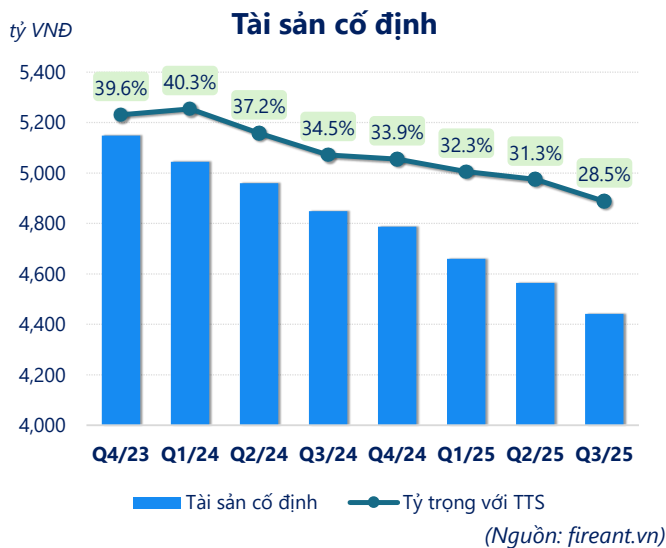
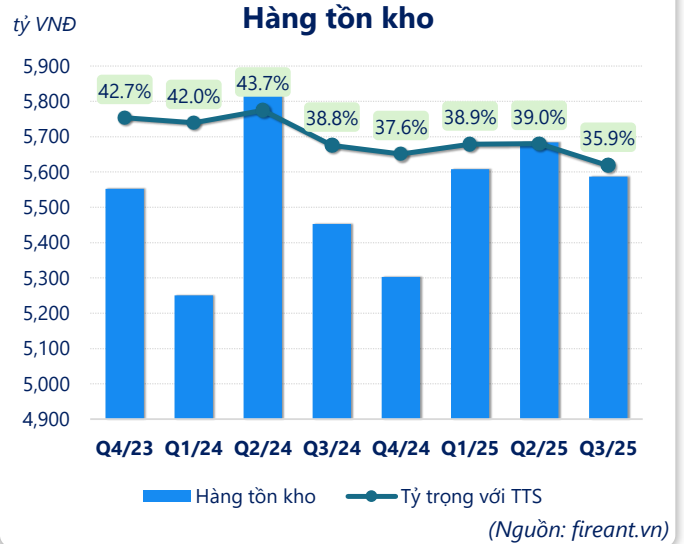
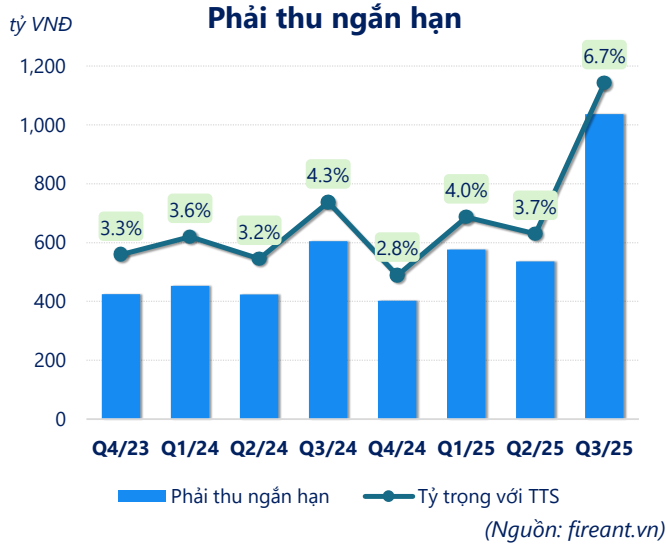
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	14,070	14,118	14,411	14,574	15,562
Tài sản ngắn hạn	8,036	7,624	8,227	8,381	9,227
Tiền và tương đương tiền	541	439	570	364	613
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,343	1,371	1,380	1,681	1,886
Phải thu ngắn hạn	605	402	577	536	1,037
Hàng tồn kho	5,453	5,303	5,608	5,684	5,587
Tài sản ngắn hạn khác	94.2	109	92.3	116	104
Tài sản dài hạn	6,034	6,494	6,184	6,194	6,335
Phải thu dài hạn	34.4	38.8	38.8	40.2	37.0
Tài sản cố định	4,849	4,787	4,660	4,565	4,442
Bất động sản đầu tư	0	109	107	106	104
Tài sản dở dang	903	1,296	1,111	1,218	1,491
Đầu tư tài chính dài hạn	117	116	116	114	114
Tài sản dài hạn khác	131	146	151	152	148
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	7,543	7,352	7,177	6,997	7,641
Nợ ngắn hạn	6,449	6,417	6,240	6,089	6,461
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,759	4,928	4,711	4,193	4,788
Phải trả người bán ngắn hạn	766	763	837	947	668
Nợ dài hạn	1,093	935	936	908	1,181
Vay và nợ thuê dài hạn	926	764	781	747	1,022
Nguồn vốn chủ sở hữu	6,527	6,766	7,234	7,578	7,920
Vốn chủ sở hữu	6,527	6,766	7,234	7,578	7,920
Vốn điều lệ	3,347	3,347	3,347	3,347	3,849
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)